

Số: **2036**/QĐ-BTTTT

Hà Nội, ngày **21** tháng **11** năm 2016

QUYẾT ĐỊNH
Ban hành Kế hoạch chuyển đổi mã vùng

BỘ TRƯỞNG BỘ THÔNG TIN VÀ TRUYỀN THÔNG

Căn cứ Luật Viễn thông ngày 23 tháng 11 năm 2009;

Căn cứ Nghị định số 25/2011/NĐ-CP ngày 06 tháng 4 năm 2011 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Viễn thông; Nghị định số 81/2016/NĐ-CP ngày 01 tháng 7 năm 2016 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 25/2011/NĐ-CP;

Căn cứ Nghị định số 132/2013/NĐ-CP ngày 16 tháng 10 năm 2013 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Thông tin và Truyền thông;

Căn cứ Thông tư số 22/2014/TT-BTTTT ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Thông tin và Truyền thông ban hành Quy hoạch kho số viễn thông;

Theo đề nghị của Cục trưởng Cục Viễn thông,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Kế hoạch chuyển đổi mã vùng.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

Điều 3. Chánh Văn phòng, Cục trưởng Cục Viễn thông, Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị thuộc Bộ Thông tin và Truyền thông, Giám đốc Sở Thông tin và Truyền thông các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương, Tổng Giám đốc, Giám đốc các doanh nghiệp viễn thông và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Bộ TTTT: Bộ trưởng, các Thứ trưởng;
- Các đơn vị trực thuộc Bộ TTTT;
- Website Bộ TTTT;
- Sở TTTT các tỉnh, thành phố trực thuộc TƯ;
- Các doanh nghiệp viễn thông;
- Lưu: VT, CVT.

BỘ TRƯỞNG



Trương Minh Tuấn

KẾ HOẠCH CHUYỂN ĐỔI MÃ VÙNG

(Ban hành kèm theo Quyết định số **2036/QĐ-BTTTT**
ngày **21** tháng **11** năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Thông tin và Truyền thông)

Triển khai Quy hoạch kho số viễn thông ban hành kèm theo Thông tư số 22/2014/TT-BTTTT ngày 22/12/2014, Bộ Thông tin và Truyền thông ban hành Kế hoạch chuyển đổi mã vùng (sau đây gọi là Kế hoạch), cụ thể như sau:

1. Mục đích, yêu cầu của Kế hoạch

Để đảm bảo hạn chế tối đa ảnh hưởng không tích cực có thể phát sinh đối với doanh nghiệp và người sử dụng dịch vụ, hài hòa giữa lợi ích và chi phí xã hội, Kế hoạch đáp ứng các mục đích và yêu cầu sau:

a) Đảm bảo an toàn mạng lưới viễn thông và an ninh thông tin trước, trong và sau quá trình chuyển đổi mã vùng;

b) Việc chuyển đổi mã vùng được thực hiện nhanh chóng, thuận tiện cho doanh nghiệp và người sử dụng dịch vụ;

c) Thực hiện các biện pháp kỹ thuật để giảm thiểu tối đa việc mất liên lạc có thể xảy ra trước, trong và sau quá trình chuyển đổi mã vùng bằng hình thức cho phép người sử dụng dịch vụ có thể quay số theo mã vùng cũ và mã vùng mới (quay số song song) trong thời gian chuyển đổi mã vùng; duy trì âm thông báo sau khi chuyển đổi mã vùng trong một khoảng thời gian hợp lý;

d) Phù hợp với thông lệ quốc tế khi tiến hành chuyển đổi mã vùng;

đ) Các mã vùng trên toàn quốc được chuyển đổi và đưa vào khai thác, sử dụng đúng theo mã vùng đã được quy hoạch tại Quy hoạch kho số viễn thông ban hành kèm theo Thông tư số 22/2014/TT-BTTTT ngày 22/12/2014 của Bộ Thông tin và Truyền thông.

2. Nội dung của Kế hoạch

Thực hiện chuyển đổi mã vùng hiện tại của 59/63 tỉnh, thành phố trên toàn quốc (trừ mã vùng của 04 tỉnh là Vĩnh Phúc, Phú Thọ, Hòa Bình và Hà Giang giữ nguyên) về mã vùng mới được quy hoạch tại Quy hoạch kho số viễn thông ban hành kèm theo Thông tư số 22/2014/TT-BTTTT ngày 22/12/2014 của Bộ

Thông tin và Truyền thông. Để đảm bảo các mục đích, yêu cầu tại Mục 1, việc chuyển đổi mã vùng được phân thành các giai đoạn, mỗi giai đoạn được tiến hành trong nhiều bước, cụ thể như sau:

2.1. Phân chia giai đoạn

Để đảm bảo chuyển đổi mã vùng được nhanh chóng, thuận tiện cho doanh nghiệp và người sử dụng dịch vụ mà vẫn đáp ứng yêu cầu quay số song song, việc chuyển đổi mã vùng được phân thành 03 giai đoạn như sau:

a) Giai đoạn 1: chuyển đổi mã vùng của 13 tỉnh, thành phố là Sơn La, Lai Châu, Lào Cai, Điện Biên, Yên Bái, Quảng Bình, Quảng Trị, Thừa Thiên-Huế, Quảng Nam, Đà Nẵng, Thanh Hóa, Nghệ An, Hà Tĩnh;

b) Giai đoạn 2: chuyển đổi mã vùng của 23 tỉnh, thành phố là Quảng Ninh, Bắc Giang, Lạng Sơn, Cao Bằng, Tuyên Quang, Thái Nguyên, Bắc Cạn, Hải Dương, Hưng Yên, Bắc Ninh, Hải Phòng, Hà Nam, Thái Bình, Nam Định, Ninh Bình, Cà Mau, Bạc Liêu, Cần Thơ, Hậu Giang, Trà Vinh, An Giang, Kiên Giang, Sóc Trăng;

c) Giai đoạn 3: chuyển đổi mã vùng của 23 tỉnh, thành phố là TP. Hà Nội, TP. Hồ Chí Minh, Đồng Nai, Bình Thuận, Bà Rịa - Vũng Tàu, Quảng Ngãi, Bình Định, Phú Yên, Khánh Hòa, Ninh Thuận, Kon Tum, Đắk Nông, Đắk Lắk, Lâm Đồng, Gia Lai, Vĩnh Long, Bình Phước, Long An, Tiền Giang, Bình Dương, Bến Tre, Tây Ninh, Đồng Tháp.

2.2. Các bước tiến hành trong mỗi giai đoạn

Để đảm bảo giảm thiểu tối đa việc mất liên lạc có thể xảy ra trước, trong và sau quá trình chuyển đổi mã vùng, mỗi giai đoạn tiến hành theo 4 bước như sau:

a) Thông báo trên các phương tiện thông tin đại chúng trong nước, cơ quan quản lý viễn thông các nước, Liên minh Viễn thông Quốc tế trước thời điểm chuyển đổi tối thiểu 60 ngày;

b) Tiến hành các biện pháp kỹ thuật để quay số song song trong thời gian 30 ngày kể từ thời điểm bắt đầu chuyển đổi;

Ví dụ: Trong thời gian này người sử dụng quay số theo mã vùng cũ vào thuê bao tại TP. Hà Nội là 04.23456789 hoặc quay số theo mã vùng mới là 024.23456789 thì cuộc gọi đều thành công.

c) Duy trì âm thông báo trong thời gian tối thiểu 30 ngày (kể từ thời điểm kết thúc việc quay số song song). Trong thời gian này các cuộc gọi quay số theo mã vùng mới được tiến hành bình thường, các cuộc gọi quay số theo mã vùng cũ được định tuyến vào âm thông báo (bằng 02 thứ tiếng, tiếng Việt và tiếng Anh đối với cuộc gọi liên tỉnh, liên mạng trong nước; bằng tiếng Anh đối với cuộc gọi từ quốc tế), cụ thể:

c1.) Đối với cuộc gọi trong nước, tổng đài xuất phát cuộc gọi của doanh nghiệp viễn thông nào thì doanh nghiệp viễn thông đó thực hiện phát âm thông báo.

- Âm thông báo bằng tiếng Việt như sau: “Xin thông báo: mã vùng của (*tên tỉnh/thành phố*) đã thay đổi. Đề nghị Quý khách quay số lại, thay (*mã vùng cũ*) thành (*mã vùng mới*)”.

- Âm thông báo bằng tiếng Anh như sau: “Please note that: the area code of (*name of Province/City*) has been changed. Please redial, replacing (*old area code*) with (*new area code*)”.

Ví dụ: Người sử dụng tại Việt Nam quay số theo mã vùng cũ vào thuê bao tại TP. Hà Nội là 04.23456789 sẽ nhận âm thông báo bằng 02 thứ tiếng như sau, tiếng Việt “Xin thông báo: mã vùng của TP. Hà Nội đã thay đổi. Đề nghị Quý khách quay số lại, thay 4 thành 24” và bằng tiếng Anh “Please note that: the area code of Ha Noi City has been changed. Please redial, replacing 4 with 24”.

c2) Đối với cuộc gọi từ quốc tế về Việt Nam, Gateway của doanh nghiệp cung cấp dịch vụ quốc tế chiều về thực hiện phát âm thông báo.

Âm thông báo bằng tiếng Anh như sau: “Please note that: the area code of (*name of Province/City*) has been changed. Please redial, replacing (*country code+old area code*) with (*country code+new area code*)”.

Ví dụ: Người sử dụng ở ngoài Việt Nam quay số theo mã vùng cũ vào thuê bao tại TP. Hà Nội là +84.4.23456789 sẽ nhận âm thông báo “Please note that: the area code of Ha Noi City has been changed. Please redial, replacing 844 with 8424”.

d) Kết thúc duy trì âm thông báo: Các cuộc gọi chỉ thực hiện thành công khi người sử dụng quay số theo mã vùng mới.

Để việc chuyển đổi mã vùng được nhanh chóng và thuận lợi, bước a nêu trên được thực hiện cho cả 3 giai đoạn ngay ở giai đoạn 1.

2.3. Thời gian thực hiện chuyển đổi mã vùng

Để đảm bảo việc chuyển đổi mã vùng được an toàn và thuận lợi, thời gian bắt đầu chuyển đổi mã vùng của mỗi giai đoạn được thực hiện vào thứ Bảy hoặc Chủ Nhật, tránh các ngày lễ, Tết; cụ thể như sau:

a) Giai đoạn 1: Thời gian bắt đầu chuyển đổi mã vùng vào 00 giờ 00 phút ngày 11 tháng 2 năm 2017:

- Thời gian bắt đầu quay số song song vào 00 giờ 00 phút ngày 11 tháng 2 năm 2017 và kết thúc quay số song song vào 23 giờ 59 phút ngày 12 tháng 3 năm 2017;

- Thời gian bắt đầu duy trì âm thông báo vào 00 giờ 00 phút ngày 13 tháng 3 năm 2017 và kết thúc âm thông báo vào 23 giờ 59 phút ngày 14 tháng 4 năm 2017;

b) Giai đoạn 2: Thời gian bắt đầu chuyển đổi mã vùng vào 00 giờ 00 phút ngày 15 tháng 4 năm 2017:

- Thời gian bắt đầu quay số song song vào 00 giờ 00 phút ngày 15 tháng 4 năm 2017 và kết thúc quay số song song vào 23 giờ 59 phút ngày 14 tháng 5 năm 2017;

- Thời gian bắt đầu duy trì âm thông báo vào 00 giờ 00 phút ngày 15 tháng 5 năm 2017 và kết thúc âm thông báo vào 23 giờ 59 phút ngày 16 tháng 6 năm 2017;

c) Giai đoạn 3: Thời gian bắt đầu chuyển đổi mã vùng vào 00 giờ 00 phút ngày 17 tháng 6 năm 2017:

- Thời gian bắt đầu quay số song song vào 00 giờ 00 phút ngày 17 tháng 6 năm 2017 và kết thúc quay số song song vào 23 giờ 59 phút ngày 16 tháng 7 năm 2017;

- Thời gian bắt đầu duy trì âm thông báo vào 00 giờ 00 phút ngày 17 tháng 7 năm 2017 và kết thúc âm thông báo vào 23 giờ 59 phút ngày 31 tháng 8 năm 2017;

3. Kết quả của Kế hoạch

Toàn bộ mã vùng của 63 tỉnh, thành phố trên toàn quốc được chuyển đổi và đưa vào khai thác, sử dụng theo đúng Quy hoạch kho số viễn thông ban hành kèm theo Thông tư số 22/2014/TT-BTTTT ngày 22/12/2014 của Bộ Thông tin và Truyền thông.

4. Tổ chức thực hiện

4.1. Cục Viễn thông tổ chức và chỉ đạo, hướng dẫn các doanh nghiệp viễn thông thực hiện Kế hoạch này, tổng hợp kết quả báo cáo Lãnh đạo Bộ.

4.2. Các cơ quan, đơn vị thuộc Bộ Thông tin và Truyền thông, các cơ quan báo chí căn cứ Kế hoạch này thực hiện thông tin, tuyên truyền về chuyển đổi mã vùng để mọi tổ chức, cá nhân có liên quan được biết nhằm hạn chế tối đa ảnh hưởng không tích cực có thể phát sinh đối với doanh nghiệp và người sử dụng dịch vụ.

4.3. Sở Thông tin và Truyền thông các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung Ương phối hợp với các cơ quan báo chí và các đơn vị liên quan trên địa bàn tuyên truyền, phổ biến về Kế hoạch này.

4.4. Các doanh nghiệp viễn thông:

a) Xây dựng và triển khai kế hoạch chuyển đổi mã vùng của mình phù hợp với Kế hoạch này;

b) Thông báo việc chuyển đổi mã vùng trên các phương tiện thông tin đại chúng trong thời gian ít nhất 60 ngày trước khi tiến hành chuyển đổi mã vùng;

c) Hướng dẫn người sử dụng dịch vụ viễn thông cách thức quay số theo Kế hoạch này;

d) Phối hợp với các tổ chức, doanh nghiệp viễn thông trong và ngoài nước có liên quan thực hiện việc chuyển đổi mã vùng;

đ) Triển khai các biện pháp kỹ thuật nhằm giảm thiểu tối đa ảnh hưởng đến liên lạc (nếu có) trước, trong và sau quá trình chuyển đổi mã vùng;

e) Báo cáo bằng văn bản cho Cục Viễn thông - Bộ Thông tin và Truyền thông về kết quả chuyển đổi mã vùng.

Trong quá trình thực hiện, nếu phát sinh vướng mắc, các doanh nghiệp viễn thông và các tổ chức, cá nhân có liên quan phản ánh kịp thời về Cục Viễn thông - Bộ Thông tin và Truyền thông để được xem xét, hướng dẫn và giải quyết./.

BỘ TRƯỞNG



[Handwritten signature]

Trương Minh Tuấn

www.LuatVietnam.vn

PHỤ LỤC

Bảng mô tả chi tiết chuyển đổi mã vùng
(kèm theo Kế hoạch chuyển đổi mã vùng)

Giai đoạn	TT	Tỉnh/thành phố	Mã vùng cũ	Mã vùng mới	Thời gian bắt đầu chuyển đổi	Thời gian quay số song song		Thời gian duy trì âm thông báo	
						Bắt đầu	Kết thúc	Bắt đầu	Kết thúc
Giai đoạn 1 (13 tỉnh)	1	Sơn La	22	212	00 giờ 00 phút ngày 11/2/2017	00 giờ 00 phút ngày 11/2/2017	23 giờ 59 phút ngày 12/3/2017	00 giờ 00 phút ngày 13/3/2017	23 giờ 59 phút ngày 14/4/2017
	2	Lai Châu	231	213					
	3	Lào Cai	20	214					
	4	Điện Biên	230	215					
	5	Yên Bái	29	216					
	6	Quảng Bình	52	232					
	7	Quảng Trị	53	233					
	8	Thừa Thiên - Huế	54	234					
	9	Quảng Nam	510	235					
	10	Đà Nẵng	511	236					
	11	Thanh Hóa	37	237					
	12	Nghệ An	38	238					
	13	Hà Tĩnh	39	239					

Giai đoạn	TT	Tỉnh/thành phố	Mã vùng cũ	Mã vùng mới	Thời gian bắt đầu chuyển đổi	Thời gian quay số song song		Thời gian duy trì âm thông báo	
						Bắt đầu	Kết thúc	Bắt đầu	Kết thúc
Giai đoạn 2 (23 tỉnh)	1	Quảng Ninh	33	203	00 giờ 00 phút ngày 15/4/2017	00 giờ 00 phút ngày 15/4/2017	23 giờ 59 phút ngày 14/5/2017	00 giờ 00 phút ngày 15/5/2017	23 giờ 59 phút ngày 16/6/2017
	2	Bắc Giang	240	204					
	3	Lạng Sơn	25	205					
	4	Cao Bằng	26	206					
	5	Tuyên Quang	27	207					
	6	Thái Nguyên	280	208					
	7	Bắc Cạn	281	209					
	8	Hải Dương	320	220					
	9	Hưng Yên	321	221					
	10	Bắc Ninh	241	222					
	11	Hải Phòng	31	225					
	12	Hà Nam	351	226					
	13	Thái Bình	36	227					
	14	Nam Định	350	228					
	15	Ninh Bình	30	229					
	16	Cà Mau	780	290					
	17	Bạc Liêu	781	291					
	18	Cần Thơ	710	292					

Giai đoạn	TT	Tỉnh/thành phố	Mã vùng cũ	Mã vùng mới	Thời gian bắt đầu chuyển đổi	Thời gian quay số song song		Thời gian duy trì âm thông báo	
						Bắt đầu	Kết thúc	Bắt đầu	Kết thúc
	19	Hậu Giang	711	293					
	20	Trà Vinh	74	294					
	21	An Giang	76	296					
	22	Kiên Giang	77	297					
	23	Sóc Trăng	79	299					
Giai đoạn 3 (23 tỉnh)	1	Hà Nội	4	24	00 giờ 00 phút ngày 17/6/2017	00 giờ 00 phút ngày 17/6/2017	23 giờ 59 phút ngày 16/7/2017	00 giờ 00 phút ngày 17/7/2017	23 giờ 59 phút ngày 31/8/2017
	2	Tp. Hồ Chí Minh	8	28					
	3	Đồng Nai	61	251					
	4	Bình Thuận	62	252					
	5	Bà Rịa - Vũng Tàu	64	254					
	6	Quảng Ngãi	55	255					
	7	Bình Định	56	256					
	8	Phú Yên	57	257					
	9	Khánh Hòa	58	258					
	10	Ninh Thuận	68	259					
	11	Kon Tum	60	260					
	12	Đắk Nông	501	261					
	13	Đắk Lắk	500	262					

Giai đoạn	TT	Tỉnh/thành phố	Mã vùng cũ	Mã vùng mới	Thời gian bắt đầu chuyển đổi	Thời gian quay số song song		Thời gian duy trì âm thông báo	
						Bắt đầu	Kết thúc	Bắt đầu	Kết thúc
	14	Lâm Đồng	63	263					
	15	Gia Lai	59	269					
	16	Vĩnh Long	70	270					
	17	Bình Phước	651	271					
	18	Long An	72	272					
	19	Tiền Giang	73	273					
	20	Bình Dương	650	274					
	21	Bến Tre	75	275					
	22	Tây Ninh	66	276					
	23	Đồng Tháp	67	277					